

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	<p>Chủ đầu tư là: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Địa chỉ: Tổ dân phố 6, Phường Nam Triệu, Thành phố Hải Phòng Mã số thuế: 0200493225 Số tài khoản: 3210010512 Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Điện thoại: 02253775161 Fax: 02253775162 Email: ndhpn@ndhp.vn</p>
E-ĐKC 1.3	<p>Nhà thầu: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].</p>
E-ĐKC 1.11	<p>Địa điểm dự án: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng Địa chỉ: Tổ dân phố 6, Phường Nam Triệu, Thành phố Hải Phòng</p>
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng Không yêu cầu.</p>
E-ĐKC 4.1	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người nhận: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.- Địa chỉ: Tổ dân phố 6, Phường Nam Triệu, Thành phố Hải Phòng- Điện thoại: 0225 3775 161.- Fax: 0225 3775 162.- Địa chỉ email: ndhpn@ndhp.vn.
E-ĐKC 5.2	<p>Nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm vô điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 18 Phần 4 E-HSMT) và không hủy ngang</p> <ul style="list-style-type: none">- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03% giá hợp đồng.- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả công việc của Hợp đồng và

Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.

Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 03 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 03 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.

Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;
- + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;
- + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.

Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.

Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư gửi văn bản chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng (tùy điều kiện nào đến trước).

E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Bên B.</p>
E-ĐKC 6.1	<p>Danh sách nhà thầu phụ:___ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT</i>].</p>
E-ĐKC 7.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: Tối đa 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu có phát sinh tranh chấp.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Nếu không thống nhất giải quyết thì một trong hai bên có quyền đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày có phát sinh tranh chấp, quyết định của Tòa án là cơ sở để hai bên thực hiện và án phí do bên thua chịu.</p>
E-ĐKC 9	<p>Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây: _</p> <p>Các tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật, nhãn mác, kỹ mã hiệu của hàng hóa, chứng chỉ chất lượng (CQ), chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ (CO) và các tài liệu khác có liên quan (nếu có). Chi tiết các mục hàng yêu cầu tại Phần 2, Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật (nếu có).</p> <p>Trước khi nhà thầu giao hàng theo hợp đồng, nhà thầu phải có văn bản thông báo kế hoạch giao hàng gửi đến Chủ đầu tư trước 02 ngày làm việc, kèm theo thông báo là danh sách chi tiết các hàng hóa dự kiến giao.</p> <p>Yêu cầu các giấy tờ kèm theo khi nhà thầu giao hàng cho Chủ đầu tư: Các hồ sơ, giấy tờ theo yêu cầu của E-HSMT, tài liệu hợp đồng và kèm theo là hóa đơn tài chính cho danh sách hàng hóa giao.</p> <p>Đối với tài liệu, văn bản bằng tiếng nước ngoài nếu không phải là bản chính hoặc bản gốc do Nhà thầu cung cấp trong quá trình thực hiện hợp đồng hoặc nghiệm thu, bàn giao, thanh quyết toán... thì phải được dịch sang ngôn ngữ tiếng Việt và được chứng thực sao y bản chính theo Nghị định số 23/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và các văn bản hướng dẫn, thay thế, sửa đổi, bổ sung.</p> <p>Tất cả các giấy tờ nêu trên Nhà thầu phải đóng dấu treo của Nhà thầu.</p> <p>Chủ đầu tư có quyền không nhận hàng khi nhà thầu không có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ theo yêu cầu khi giao hàng, bao gồm cả</p>

	<p>hóa đơn tài chính cho từng lô hàng giao.</p> <p>Chủ đầu tư phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.</p>
E-ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: Trộn gói.
E-ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 12.3	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo chính sách trên nguyên tắc giữ nguyên đơn giá trước thuế đã ký.</p>
E-ĐKC 13.1	<p>Tạm ứng: Chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu 10% giá trị hợp đồng (bao gồm cả thuế GTGT) trong vòng 20 ngày sau khi nhà thầu trình đầy đủ các văn bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị tạm ứng. + Bảo đảm thực hiện hợp đồng. + Bảo lãnh tiền tạm ứng với giá trị tương đương giá trị được tạm ứng theo Mẫu số 19 Phần 4 – Biểu mẫu Hợp đồng. <p>Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</p> <p><u>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng:</u> Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p><u>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng:</u> Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p>

	<p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p>
<p>E-ĐKC 14.2</p>	<p>Phương thức thanh toán: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng thanh toán cho bên B giá trị tương ứng với khối lượng công việc hoàn thành sau khi đã khấu trừ tiền tạm ứng và giữ lại 5% bảo hành trong vòng 60 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng tiền thanh toán: VNĐ. - Hình thức thanh toán: chuyển khoản. <p>Công ty thực hiện thanh toán cho nhà thầu 01 lần (một lần) khi thỏa mãn tất cả yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giao đầy đủ hàng hóa, thiết bị của hợp đồng. + Hàng hóa phải được nghiệm thu nhập kho theo quy định. <p>Khi thanh toán Công ty sẽ khấu trừ giá trị tạm ứng và giữ lại 5% bảo hành.</p> <p>Căn cứ Biên bản giao nhận hàng, Bên bán chịu trách nhiệm lập bảng kê khối lượng giao nhận. Căn cứ bảng kê của Bên bán có xác nhận của Bên mua, cùng hoá đơn bán hàng, biên bản nghiệm thu và các giấy tờ có liên quan khác như:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản gốc (hoặc bản sao công chứng) chứng chỉ chất lượng, chứng chỉ nguồn gốc, xuất xứ đối với vật tư nhập khẩu hoặc giấy chứng nhận hàng hóa đảm bảo đúng tiêu chuẩn chất lượng của hãng sản xuất (KCS) đối với vật tư trong nước. Chi tiết các mục hàng yêu cầu tại Phần 2, Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật (nếu có). + Tờ khai Hải quan (bản sao), vận đơn (bản sao) được đóng dấu và xác nhận sao y bản chính của đơn vị nhập khẩu đối với một số hàng hóa nhập khẩu quan trọng, được nêu chi tiết tại Phần 2, Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật (nếu yêu cầu) của HSMT. <p>Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật đối với tất cả các tài liệu do Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư để thực hiện nghiệm thu thanh toán đúng với các Luật chuyên ngành có liên quan. Tất cả các giấy tờ nêu trên Nhà thầu phải đóng dấu treo của Nhà thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thanh toán tiền giữ lại bảo hành: số tiền giữ lại bảo hành (5% giá trị hợp đồng) được thanh toán cho nhà thầu trong vòng 60 ngày sau khi hết thời hạn bảo hành hoặc nhà thầu đã nộp bảo lãnh bảo hành tương ứng với 5% giá trị hợp đồng.

<p>E-ĐKC 18.2</p>	<p>Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo khuyến cáo của Nhà sản xuất. - Các yêu cầu khác: Hàng hóa phải được dán tem nhãn trên từng sản phẩm, ghi các thông tin cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Số hợp đồng, ngày ký hợp đồng. + Tên của Nhà thầu ký hợp đồng. + Tên vật tư, mã hiệu, thông số kỹ thuật. <p>Bên A không tiếp nhận hàng hóa vào kho nếu Bên B không ghi đầy đủ các thông tin theo yêu cầu. (Áp dụng đối với từng loại hàng hóa phù hợp với điều kiện thực tế).</p>
<p>E-ĐKC 19</p>	<p>Nội dung bảo hiểm: Bên bán có trách nhiệm mua bảo hiểm cho hàng hoá cũng như con người, phương tiện vận chuyển cho đến khi hoàn thành nghiệm thu bàn giao cho bên mua, đảm bảo tuân thủ theo các qui định của pháp luật hiện hành.</p>
<p>E-ĐKC 20.1</p>	<p>Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng</p>
<p>E-ĐKC 20.2</p>	<p>Các dịch vụ bao gồm: không có.</p>
<p>E-ĐKC 21.1</p>	<p>Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: <i>Khi giao nhận hàng hóa phải tổ chức kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa theo yêu cầu của bên A để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của HSMT.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Bên A kiểm tra các thông số kỹ thuật, mã, mã của hàng hóa căn cứ vào tiêu chuẩn kỹ thuật của hợp đồng quy định đối với vật tư, thiết bị do bên B cung cấp</i> <p><i>Trong trường hợp bên A có nghi ngờ về chất lượng hàng hóa, hai bên tiến hành thử nghiệm tại một phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn do bên mua chỉ định.</i></p> <p>Tổ chức nghiệm thu hàng hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Khi giao nhận hàng hóa, Nhà thầu có trách nhiệm cử đại diện có đủ năng lực, kinh nghiệm về hàng hóa đến địa điểm giao hàng của Chủ đầu tư: Kho vật tư của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (đã bốc dỡ khỏi phương tiện vận chuyển). b. Hồ sơ và tài liệu kèm theo hàng hóa: Khi giao hàng, Nhà thầu phải cung cấp hồ sơ, tài liệu cho các hạng mục hàng hóa (chi tiết quy định tại chương V.E-HSMT) c. Hai bên cùng kiểm tra về chứng từ, số lượng, chủng loại, xuất xứ, quy cách của hàng hóa bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Mới 100% chưa qua sử dụng;

- Có mác mã, thông số kỹ thuật rõ ràng như quy định của hợp đồng;
- Bên B phải cung cấp đầy đủ toàn bộ tài liệu CO, CQ theo đúng quy định của hợp đồng cho bên A trước khi tổ chức nghiệm thu, giao nhận hàng hóa cụ thể như sau :

+ Chứng chỉ xuất xứ CO do cơ quan có thẩm quyền nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp nếu là hàng nhập khẩu ;

+ Chứng chỉ chất lượng CQ hoặc chứng chỉ khác có giá trị tương đương do nhà sản xuất/văn phòng đại diện của NSX cấp hoặc xác nhận ;

+ CO, CQ nhà thầu cung cấp là bản sao y công chứng của cơ quan công chứng có thẩm quyền. Khi có yêu cầu, nhà thầu phải cung cấp bản chính để đối chiếu (nếu có). Đối với mục hàng nhập khẩu mà số lượng hàng hóa trên CO, CQ chỉ nhập riêng cho gói thầu này thì nhà thầu phải cung cấp bản gốc.

+ Trong trường hợp cần thiết nhà thầu phải cung cấp các thông tin về hàng hóa nhập khẩu (nếu có yêu cầu):

- Đối với hàng hóa do nhà thầu nhập khẩu trực tiếp thì phải cung cấp tờ khai hải quan (số tờ khai hải quan, họ và tên, số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước) người khai hải quan. Tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu có liệt kê chi tiết hàng hóa (bản sao không thể hiện giá trị hàng hóa có đóng dấu xác nhận của bên bán) (nếu có yêu cầu).

Ngoài ra, trước khi hàng hóa được nghiệm thu, nhà thầu phải cung cấp bản gốc văn bản xác nhận cung cấp hàng hóa trong hợp đồng này của nhà sản xuất hoặc đại lý bán hàng được NSX ủy quyền hoặc đơn vị nhập khẩu hàng hóa mà nhà thầu đã mua để cung cấp hoặc của nhà thầu về việc cung cấp hàng hóa chính hãng áp dụng cho tất cả các mục hàng thuộc phạm vi cung cấp của hợp đồng.

- Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ tài liệu do nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư.

d. Nếu kết quả kiểm tra chứng tỏ hàng hóa phù hợp với văn bản của Hợp đồng, phụ lục của hợp đồng, hồ sơ dự thầu thì nhà thầu, đại diện có thẩm quyền của hai bên lập và ký Biên bản bàn giao, nghiệm thu kỹ thuật và thương mại.

e. Nếu kết quả kiểm tra thử nghiệm đạt yêu cầu kỹ thuật thì Chủ đầu tư chịu mọi chi phí thử nghiệm, ngược lại nếu kết quả kiểm tra thử nghiệm không đạt yêu cầu kỹ thuật thì Nhà thầu chịu chi phí thử nghiệm và các chi phí phát sinh khác khi đó Chủ đầu tư từ chối không nhận hàng hoá. Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không

	<p>phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Trong trường hợp kiểm tra hàng hóa không đạt yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng bên A sẽ không chấp nhận và trả về cho nhà thầu (bên B) ngay tại địa điểm giao hàng.</p>
<p>E-ĐKC 21.2</p>	<p>Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, Tổ dân phố 6, Phường Nam Triệu, Thành phố Hải Phòng.</p>
<p>E-ĐKC 22</p>	<p><i>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</i></p> <p><i>- Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.</i></p> <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng:</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: với % giá trị công việc chậm thực hiện như sau:</p> <p>Trường hợp nhà thầu chậm tiến độ: 1% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm thời hạn chậm thực hiện cho 01 ngày lịch đầu tiên; 1% cho 01 ngày tiếp theo cho đến mức tổng số các lần không quá 8% giá trị công việc chậm thực hiện. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Chương VI Mục 29 E-ĐKC của hợp đồng. Cụ thể:</p> <p><i>Trong trường hợp bên B vi phạm chậm tiến độ cung cấp hàng hóa vượt mức phạt tối đa 8% nêu trên (tương đương 08 ngày), sau thời điểm 08 ngày kể từ ngày hết thời hạn giao hàng theo quy định của hợp đồng này, bên A có quyền chấm dứt (hủy toàn bộ hoặc một phần hợp đồng vi phạm khi đó bên B phải bồi thường thiệt hại cho bên A và bên A sẽ tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng).</i></p> <p><i>Nếu bên B hoàn toàn không thực hiện phần công việc nào đó sẽ bị bồi thường tới 12% giá trị phần hợp đồng không thực hiện.</i></p> <p>Ngoài ra, trường hợp nhà thầu thực hiện gói thầu vi phạm hợp đồng, Chủ đầu tư áp dụng theo quy định tại khoản 23. Điều 140 Nghị định 214/2024/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p><i>“Trường hợp nhà thầu thực hiện gói thầu vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chủ đầu tư xem xét, báo cáo người có thẩm quyền quyết định cho phép chấm dứt hợp đồng với nhà thầu đó; nhà thầu vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng.</i></p> <p><i>Đối với phần công việc chưa thực hiện được áp dụng hình thức</i></p>

chỉ định thầu cho nhà thầu khác với giá trị được tính bằng giá trị ghi trong hợp đồng trừ đi giá trị của phần công việc đã thực hiện, được nghiệm thu trước đó.

Chủ đầu tư phải bảo đảm nhà thầu được chỉ định có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu thực hiện phần công việc còn lại của gói thầu. Trường hợp không áp dụng hình thức chỉ định thầu thì hình thành gói thầu mới để tổ chức lựa chọn nhà thầu, trường hợp cần thiết, xem xét lại giá gói thầu đối với phần công việc còn lại trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật. Trường hợp việc thực hiện hợp đồng chậm tiến độ không do lỗi của nhà thầu thì không được phép chấm dứt hợp đồng để thay thế nhà thầu khác. Trường hợp phải chấm dứt hợp đồng với nhà thầu vi phạm hợp đồng để thay thế nhà thầu mới, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng với nhà thầu vi phạm hợp đồng, chủ đầu tư phải đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm hợp đồng, thông tin nhà thầu thay thế trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đồng thời gửi quyết định chấm dứt hợp đồng và các tài liệu xử lý vi phạm hợp đồng khác (nếu có) đến Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi. Thông báo phải nêu rõ lý do nhà thầu vi phạm hợp đồng dẫn tới phải chấm dứt hợp đồng, hình thức lựa chọn nhà thầu thay thế, tên nhà thầu được chỉ định trong trường hợp áp dụng hình thức chỉ định thầu”.

Theo điểm b, khoản 29.1, Điều 29 ĐKC của Hợp đồng mẫu E-HSMT “Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a khoản này, Chủ đầu tư có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư các chi phí phụ trội phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt”.

Phạt thay đổi xuất xứ

Trường hợp có sự thay đổi về nguồn gốc xuất xứ thực tế so với hợp đồng, bên B phải có văn bản trước thời hạn giao hàng đệ trình bên A. Bên A chỉ chấp thuận thay đổi xuất xứ khi bên B xuất trình được văn bản gốc (hoặc bản chứng thực sao y bản chính do cơ quan công chứng Nhà nước cấp kèm theo bản gốc để bên A đối chứng) của nhà sản xuất chứng minh rằng sau thời điểm đóng thầu, hàng hóa đề nghị thay đổi xuất xứ không còn sản xuất tại quốc gia, vùng lãnh thổ đã nêu trong hợp đồng và sau khi được cấp có thẩm quyền của bên A chấp thuận sẽ xử lý mức phạt quy định như sau:

Xuất xứ theo HĐ	Nhóm 1 (1)			Nhóm 2 (2)			Nhóm 3 (3)		
Xuất xứ thay đổi	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)

Tỷ lệ phạt %	10 %	15 %	30 %	5%	10%	20%	2%	5%	10%
--------------	------	------	------	----	-----	-----	----	----	-----

Trong đó :

- Nhóm 1: Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ từ các nước Châu Âu, 38 nước thuộc tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế OECD (tính đến thời điểm 2024) Nam Phi, Brazil và Argentina.

- Nhóm 2: Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ các nước từ Thái Lan, Indonexia, Malaysia, Singapore và Việt Nam.

- Nhóm 3: Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ từ các nước còn lại không thuộc nhóm 1, nhóm 2.

Ghi chú:

Trong trường hợp Nhà thầu chuyển đổi từ nhóm có chất lượng hàng hóa thấp sang nhóm có chất lượng hàng hóa cao thì bên A có thể xem xét không phạt.

Nhóm có chất lượng hàng hóa từ thấp đến nhóm có chất lượng hàng hóa cao được sắp xếp theo thứ tự là từ nhóm 3 đến nhóm 2 đến nhóm 1.

Phạt do thay đổi mác mã, hăng sản xuất

- Thay đổi mác mã nhưng không thay đổi nhà sản xuất: Bên A chỉ chấp thuận cho bên B được thay đổi mác mã khi bên B xuất trình được văn bản gốc (hoặc bản chứng thực sao ý bản chính do cơ quan công chứng Nhà nước cấp kèm theo bản gốc để bên A đối chứng) của nhà sản xuất chứng minh rằng: Sau thời điểm đóng thầu hàng hóa model ghi trong hợp đồng không còn được sản xuất hoặc sản xuất mà được thay đổi bằng một model mới có chất lượng và tính năng kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn hàng hóa, mác mã (model) đã ghi trong hợp đồng. Trường hợp nhà sản xuất đã thay đổi mác mã (model) của hàng hóa trước thời điểm đóng thầu nhưng vì một lý do nào đấy mà bên B không cập nhật thì bên B đề xuất thay đổi mác mã (model) đối với hàng hóa này bên B phải chấp nhận gia hạn thêm thời gian bảo hành bằng 1,5 lần so với thời gian bảo hành quy định trong hợp đồng.

2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.

Trường hợp nhà thầu chậm tiến độ làm ảnh hưởng đến lợi ích của Chủ đầu tư, ngoài giá trị phạt chậm như nêu trên, nhà thầu phải: Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế mà chủ đầu tư phải chịu do ảnh hưởng trên.

Nếu một trong hai bên vi phạm các điều khoản hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng trái quy định mà gây thiệt hại cho bên kia thì ngoài việc xử lý theo các điều khoản phạt trong hợp đồng, bên vi phạm còn phải bồi thường cho bên kia toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh do vi phạm. Trường hợp việc vi phạm gây thiệt hại cho bên thứ 3 nếu có, thì bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại cho bên thứ 3 đó theo quy định của pháp luật.

E-ĐKC 23.3

- Thời hạn bảo hành:

+ Nhà thầu cam kết bảo hành của hàng hóa là 365 ngày kể từ thời điểm đưa vào sử dụng nhưng không quá 545 ngày kể từ thời điểm nghiệm thu bàn giao nhập kho.

+ Đối với hàng hóa nhà thầu chào trưng đương: thời gian bảo hành là 730 ngày kể từ thời điểm đưa vào sử dụng nhưng không quá 1096 ngày kể từ thời điểm nghiệm thu bàn giao.

- Yêu cầu về bảo hành:

+ Trong vòng 02 ngày từ khi sử dụng nếu có xảy ra bất thường, Nhà thầu phải có trách nhiệm bảo hành bằng cách thay thế hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu.

+ Thời gian bảo hành sản phẩm, nếu sản phẩm bị hư hỏng, nhà thầu phải có trách nhiệm sửa chữa thay sản phẩm mới. Trong trường hợp sản phẩm hư hỏng thời gian bảo hành được tính lại từ đầu cho sản phẩm đó.

- Hình thức bảo hành: Bằng Bảo lãnh bảo hành không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành

- Thời hạn, giá trị nộp bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu bàn giao và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5 phần trăm (%) giá trị vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu bàn giao.

- Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.

Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận.

Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo

	<p>yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.</p> <p>Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.</p> <p>Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu.</p> <p>- Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, Tổ dân phố 6, Phường Nam Triệu, Thành phố Hải Phòng.</p>
<p>E-ĐKC 23.5 E-ĐKC 23.6</p>	<p>Thời hạn sửa chữa, thay thế là: 02 ngày.</p> <p>Trong thời gian bảo hành, nhà thầu có trách nhiệm tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật phát sinh chậm nhất 02 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư. Trường hợp Nhà thầu không tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong khoảng thời gian được Chủ đầu tư quy định, Chủ đầu tư có thể thuê tổ chức khác khắc phục hư hỏng, khuyết tật phát sinh và Nhà thầu phải hoàn trả chi phí.</p>
<p>E-ĐKC 27.7 (d)</p>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu <u> 0 </u> % <i>[nếu tỷ lệ thanh toán, thường không quá 50%]</i> giá trị giảm giá hợp đồng.</p>